

Số: /2026/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

**DỰ THẢO**  
Ngày 09/5/2026

## NGHỊ QUYẾT

### Quy định chính sách, biện pháp, tiêu chí, điều kiện thực hiện dự án cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội

(Thực hiện điểm a khoản 2 Điều 12 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủ đô số 02/2026/QH16;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định chính sách, biện pháp, tiêu chí, điều kiện thực hiện dự án cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội (thực hiện điểm a khoản 2 Điều 12 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16).

## Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách, biện pháp, tiêu chí, điều kiện thực hiện dự án cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội thực hiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 12 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 (sau đây viết tắt là Luật Thủ đô 2026).

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp, cá nhân trong nước và doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài là chủ đầu tư dự án; các chủ sở hữu nhà, người sử dụng đất trong phạm vi dự án cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Cơ quan, tổ chức, các cấp chính quyền địa phương của thành phố Hà Nội tham gia thực hiện dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội.

#### Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị quyết này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tái thiết đô thị là hoạt động đầu tư, xây dựng phát triển đô thị mới trên nền các công trình cũ đã được phá bỏ hoặc không còn hiệu quả sử dụng của đô thị hiện hữu với quy mô đa dạng.

2. Cải tạo chỉnh trang là hoạt động sửa chữa cải tạo kiến trúc, kết cấu của công trình hoặc nhóm công trình theo pháp luật về xây dựng nhằm phát huy hiệu quả sử dụng công trình, cải thiện về quy mô chất lượng công trình, tuân thủ các chỉ tiêu quy hoạch hoặc thiết kế đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Bảo vệ, tu bổ công trình hoặc một nhóm công trình, khu vực có giá trị văn hóa, lịch sử thiên nhiên; kiến trúc, cảnh quan đô thị là hoạt động đầu tư xây dựng tại các công trình, khu vực được xác định theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa và danh mục các công trình kiến trúc có giá trị do Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt và các khu vực cảnh quan đặc thù được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong quy hoạch chung.

4. Cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư là quá trình phá dỡ nhà chung cư đã hư hỏng, xuống cấp, thuộc trường hợp phải phá dỡ theo quy định, không đảm bảo an toàn cho người sử dụng, sau đó xây dựng lại công trình trên cùng khu đất hoặc khu vực đó và thuộc loại hình nhà ở phát triển theo dự án đầu tư xây dựng nhà ở.

5. Phạm vi dự án là phạm vi ranh giới diện tích đất của dự án được xác định sơ bộ khi đề xuất dự án và được xác định chi tiết khi lập, trình duyệt quy hoạch hoạch chi tiết dự án.

6. Hệ số bồi thường hệ số k là tỷ lệ giữa diện tích căn nhà (diện tích sàn nhà ở hoặc diện tích đất ở) mà các chủ sử hữu nhà, chủ sử dụng đất được chủ đầu tư bồi thường và diện tích căn nhà mà các chủ sử hữu nhà, chủ sử dụng đất có quyền sử hữu nhà, quyền sử dụng đất hợp pháp trước khi thực hiện dự án cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị.

#### **Điều 4. Các loại hình dự án cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị**

Việc cải tạo chỉnh trang, tái thiết đô thị trên địa bàn thành phố được triển khai thực hiện theo dự án, bao gồm:

1. Dự án chỉnh trang công trình hoặc một nhóm công trình xây dựng tại một khu vực cụ thể là dự án cải tạo nâng cấp kiến trúc, kết cấu các công trình trong một khu vực hoặc một tuyến hạ tầng hiện hữu (gồm: tuyến đường giao thông có hoặc không có hạ ngầm đường điện, đường dây năng lượng, đường dây thông tin; hoặc tuyến cấp nước, thoát nước và các công trình hạ tầng khác trong phạm vi dự án) mà không làm thay đổi cấu trúc hiện có trong phạm vi khu vực chỉnh trang, tuân thủ quy hoạch đã được phê duyệt.

2. Dự án bảo vệ, tu bổ công trình hoặc một nhóm công trình, khu vực có giá trị văn hóa, lịch sử, thiên nhiên, kiến trúc, cảnh quan đô thị là tập hợp đề xuất biện pháp bảo quản, tu bổ, phục hồi các yếu tố gốc cấu thành công trình văn hóa, di tích, lịch sử, thiên nhiên, kiến trúc, cảnh quan đô thị và các yếu tố khác có liên quan nhằm bảo vệ và phát huy giá trị công trình kiến trúc, cảnh quan đô thị, nâng cao bản sắc văn hóa, lịch sử theo định hướng phát triển đô thị thông minh, bền vững.

3. Dự án tái thiết một khu vực đô thị cụ thể là dự án đầu tư xây dựng mới các công trình kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trên nền các công trình hiện trạng đã được phá dỡ theo quy hoạch đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Khu vực tái thiết đô thị được nghiên cứu trên cơ sở phạm vi quy mô diện tích một đơn vị ở để bảo đảm cân đối hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo quy hoạch phân khu đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Dự án cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị hỗn hợp là dự án đầu tư xây dựng (sau đây được gọi chung là dự án cải tạo chỉnh trang đô thị), trong đó có thể

bao gồm các công trình xây dựng mới, công trình cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và bảo vệ, tu bổ trên cơ sở tổ hợp các dự án quy định tại các khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này.

5. Dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư thuộc trường hợp phá dỡ theo quy định của pháp luật về nhà ở hoặc dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư không thuộc trường hợp phá dỡ nhưng gắn với cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị thuộc loại hình dự án quy định tại khoản 4 Điều này.

### **Điều 5. Nguyên tắc thực hiện dự án**

1. Tuân thủ nguyên tắc theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật Thủ đô 2026.

2. Đối với dự án do Nhà nước trực tiếp đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn đầu tư công thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư công. Đối với các công trình kiến trúc có giá trị thuộc tài sản công, Thành phố bố trí ngân sách đầu tư công để thực hiện dự án bảo vệ, tu bổ.

3. Đối với dự án không thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thực hiện theo quy định của Nghị quyết này, gồm:

a) Đối với dự án quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 4 Nghị quyết này thực hiện chính sách, biện pháp, tiêu chí, điều kiện thực hiện dự án cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị theo Chương II của Nghị quyết này;

b) Đối với dự án quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị quyết này thực hiện chính sách, biện pháp, tiêu chí, điều kiện thực hiện đối với dự án cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị quyết này theo quy định tại điểm a khoản này và một số chính sách, biện pháp, hỗ trợ đặc thù đối với dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư theo Chương III của Nghị quyết này.

## **Chương II**

### **CHÍNH SÁCH, BIỆN PHÁP, TIÊU CHÍ, ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN DỰ ÁN CẢI TẠO, CHỈNH TRANG, TÁI THIẾT ĐÔ THỊ**

#### **Mục 1. QUY ĐỊNH TIÊU CHÍ, ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN DỰ ÁN CẢI TẠO, CHỈNH TRANG, TÁI THIẾT ĐÔ THỊ**

##### **Điều 6. Tiêu chí xác định dự án cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị**

1. Các Dự án được quy định tại các khoản 1, khoản 2 Điều 4 của Nghị quyết này được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

a) Có các công trình xây dựng có kết cấu, khoảng cách giữa các công trình không bảo đảm quy chuẩn theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về phòng cháy, chữa cháy;

b) Có các công trình xây dựng chưa thuộc trường hợp buộc phải phá dỡ theo quy định của pháp luật về nhà ở, pháp luật về xây dựng; dự án nằm trong khu vực có hạ tầng giao thông không bảo đảm yêu cầu về an toàn giao thông theo quy định của pháp luật về giao thông;

c) Không bảo đảm đủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của đơn vị ở mà không còn đủ quỹ đất để phát triển bổ sung hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội;

d) Có các công trình kiến trúc có giá trị, các di sản văn hóa, lịch sử, thiên nhiên, kiến trúc cảnh quan của Thủ đô cần được bảo vệ, tu bổ nhưng có các công trình xây dựng xung quanh không phù hợp với việc bảo vệ.

2. Các dự án được quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 4 của Nghị quyết này được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

a) Không đảm bảo kết nối với đường giao thông đạt yêu cầu các quy định pháp luật về phòng cháy, chữa cháy;

b) Có công trình trụ sở cơ quan, đơn vị nhiều người sử dụng không bảo đảm quy chuẩn, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy hiện hành mà không có giải pháp khắc phục triệt để;

c) Dự án thực hiện cải tạo, chỉnh trang, tái thiết một hoặc nhiều ô phố đô thị hoặc dự án thực hiện cải tạo, chỉnh trang, tái thiết một hoặc nhiều ô quy hoạch theo quy hoạch phân khu được Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố thông qua;

d) Dự án thuộc danh mục dự án phục vụ cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị theo quy hoạch đô thị và nông thôn được Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua danh mục dự án cụ thể.

3. Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm tổ chức rà soát, xác định và công bố công khai các khu vực phải cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị kèm theo các thông tin về vị trí, ranh giới dự kiến và các chỉ tiêu quy hoạch, kiến trúc căn cứ trên cơ sở Quy hoạch tổng thể Thủ đô, quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn được phê duyệt.

#### **Điều 7. Điều kiện thực hiện dự án cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị**

Dự án cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị chỉ được phép triển khai khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Đáp ứng các tiêu chí theo quy định tại Điều 6 của Nghị quyết này.

2. Đối với các dự án quy định tại khoản 1 Điều 4 của Nghị quyết này do các chủ sở hữu nhà, người sử dụng đất tự đề xuất dự án thì thực hiện theo quy định sau đây:

a) Việc cải tạo, chỉnh trang đô thị trong trường hợp này phải được lập thành dự án;

b) Phải đạt được sự đồng thuận của 100% số chủ sở hữu nhà, người sử dụng đất trong phạm vi dự án.

3. Đối với các dự án quy định tại các khoản 3, khoản 4 Điều 4 của Nghị quyết này mà sau thời gian 06 tháng chưa được các chủ sở hữu nhà, người sử dụng đất đề xuất dự án kể từ ngày Ủy ban nhân dân Thành phố công bố công khai các khu vực phải cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định sau đây:

a) Thành phố lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt mà không thông qua đấu thầu;

b) Nhà đầu tư được lựa chọn (chủ đầu tư) phải tổ chức lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt sau khi được lựa chọn theo quy định tại điểm a khoản này. Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được duyệt là cơ sở để chủ đầu tư xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và bố trí chỗ ở tạm thời (sau đây viết tắt là phương án bồi thường, tái định cư) trước khi thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư dự án theo quy định;

c) Phương án bồi thường, tái định cư của dự án phải được tổ chức lấy ý kiến của các chủ sở hữu nhà, người sử dụng đất trong phạm vi dự án trong trường hợp hệ số bồi thường nhỏ hơn 1 và phải đảm bảo 100% tổng số đại diện chủ sở hữu nhà, người sử dụng đất trong phạm vi dự án đồng ý; các trường hợp còn lại không phải tổ chức lấy ý kiến về phương án bồi thường, tái định cư và chủ sở hữu nhà, người sử dụng đất trong phạm vi dự án được hưởng chính sách hỗ trợ bằng 02 lần so với mức quy định.

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện về nguồn lực thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và tạm cư (bố trí chỗ ở tạm thời) khi thực hiện các dự án cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị, trong đó ưu tiên bố trí tạm cư bằng tiền. Việc bố trí nhà ở phục vụ tái định cư được thực hiện thông qua hợp đồng mua bán, thuê mua, thuê nhà ở phục vụ tái định cư theo quy định.

4. Dự án phải được cập nhật vào Kế hoạch phát triển nhà ở của Thành phố trước khi thực hiện chủ trương đầu tư dự án trong trường hợp dự án có nhà ở.

5. Đối với các dự án quy định tại khoản 2 Điều 4 của Nghị quyết này thì cơ quan chủ trì tổ chức thẩm định phải lấy thêm ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Hà Nội hoặc ý kiến của các cơ quan chức năng liên quan theo quy định của pháp luật.

### **Điều 8. Thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư**

1. Hội đồng nhân dân Thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án thực hiện cải tạo, chỉnh trang, tái thiết theo quy định tại các khoản 3, khoản 4 Điều 4 Nghị quyết này gắn với một hoặc nhiều ô phố đô thị đã được Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố thông qua.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án các dự án quy định tại các khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 4 Nghị quyết này, trừ các dự án quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết này do các chủ sở hữu nhà, người sử dụng đất đề xuất.

4. Đối với dự án đầu tư theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này cần áp dụng cơ chế, chính sách đặc biệt khác với quy định của luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, trên cơ sở được sự đồng ý của cấp có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Chính phủ để trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho phép thực hiện cơ chế, chính sách đặc biệt khác với quy định của luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, sau đó báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

5. Ủy ban nhân dân Thành phố quy định chi tiết trình tự, thủ tục thực hiện dự án quy định tại các khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này.

**Điều 9. Lựa chọn nhà đầu tư; khởi công công trình dự án cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị**

1. Việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án quy định tại Nghị quyết này được thực hiện như sau:

a) Các dự án quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 4 Nghị quyết này thực hiện lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư như đối với dự án có sử dụng đất;

b) Các dự án quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 4 Nghị quyết này thì thực hiện lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt;

c) Ủy ban nhân dân Thành phố quy định nội dung, hồ sơ, điều kiện, tiêu chí, trình tự, thủ tục thực hiện lựa chọn nhà đầu tư quy định tại điểm b khoản này. Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền là văn bản giao chủ đầu tư xây dựng đối với tất cả các công trình, hạng mục công trình trong phạm vi dự án.

2. Các dự án quy định tại Điều 4 của Nghị quyết này được thực hiện các thủ tục về quy hoạch, khởi công xây dựng công trình đồng thời với thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư dự án; Nhà đầu tư, chủ đầu tư không phải thực hiện thủ tục về cấp giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng nhưng phải chịu trách nhiệm sau đây:

a) Hoàn thiện các điều kiện theo quy định của pháp luật về khởi công xây dựng công trình dự án thành phần trong dự án tổng thể quy định tại các khoản 3, khoản 4 Điều 4 của Nghị quyết này trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày khởi công.

b) Trường hợp nhà đầu tư, chủ đầu tư không hoàn thiện điều kiện về khởi công xây dựng công trình trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày khởi công thì bị xử lý theo các điều, khoản của hợp đồng hoặc Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định phương án thu hồi, chấm dứt dự án, hợp đồng dự án. Nhà đầu tư, chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về các hậu quả phát sinh do không thực hiện đúng cam kết của mình trong hợp đồng hoặc các cam kết của chủ đầu tư được ghi trong quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**Mục 2. QUY ĐỊNH CHÍNH SÁCH, BIỆN PHÁP THỰC HIỆN DỰ ÁN CẢI TẠO, CHỈNH TRANG, TÁI THIẾT ĐÔ THỊ**

**Điều 10. Chính sách về quy hoạch, kiến trúc**

Các dự án quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 4 Nghị quyết này thì áp dụng quy định về chính sách về quy hoạch, kiến trúc sau đây:

1. Quy hoạch tổng thể Thủ đô được phê duyệt là căn cứ để lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch đô thị và nông thôn, là cơ sở để đánh giá sự phù hợp của dự án theo quy định.

2. Quy hoạch chi tiết không phải thực hiện thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch. Quy hoạch chi tiết được lập, trình duyệt đồng thời với các

quy hoạch phân khu, quy hoạch ngành và quy hoạch cấp trên, trường hợp quy hoạch chi tiết được thẩm định xong trước thì được phê duyệt trước và được cập nhật vào các quy hoạch cấp độ cao hơn (quy hoạch tổng thể, quy hoạch phân khu).

3. Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc không phải thi tuyển phương án kiến trúc đối với các công trình thuộc phạm vi dự án không gắn với việc bảo vệ, tu bổ công trình hoặc một nhóm công trình, khu vực có giá trị văn hóa, lịch sử, thiên nhiên, kiến trúc, cảnh quan đô thị quy định tại khoản 2 Điều 4 của Nghị quyết này.

**Điều 11. Chính sách, biện pháp hỗ trợ, khuyến khích Nhà đầu tư thực hiện dự án cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị**

Các dự án quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 4 Nghị quyết này được hưởng các chính sách sau đây:

1. Hỗ trợ, khuyến khích về quy hoạch:

Ngoài các chính sách quy định tại Điều 10 Nghị quyết này, chủ đầu tư được ưu tiên tăng quy mô dân số tại dự án trên cơ sở khả năng dung nạp dân số theo định hướng Quy hoạch tổng thể Thủ đô và đáp ứng được hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tại khu vực.

2. Hỗ trợ về thủ tục hành chính:

Ủy ban nhân dân Thành phố quy định chi tiết việc cắt giảm, đẩy nhanh giải quyết các thủ tục hành chính trong lĩnh vực quy hoạch, đất đai, đầu tư xây dựng khi ban hành trình tự thực hiện thủ tục hành chính; áp dụng thực hiện các thủ tục triển khai dự án theo cơ chế “làn xanh”, “luồng xanh” theo quy định của Thành phố.

3. Hỗ trợ, khuyến khích về nghĩa vụ tài chính, đất đai:

a) Chủ đầu tư được miễn tiền thuê đất trong ba (03) năm đầu đối với các diện tích kinh doanh dịch vụ phải ký hợp đồng thuê đất với nhà nước.

Trong phạm vi dự án các diện tích đất xây dựng nhà ở để tái định cư tại chỗ cho các hộ gia đình được miễn tiền sử dụng đất như thực hiện dự án cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ.

b) Miễn tiền sử dụng đất diện tích sàn xây dựng tăng thêm đối với các công trình công cộng, y tế, văn hóa, thể dục thể thao. Trường hợp dự án nằm trong khu vực TOD được giảm 50% số tiền sử dụng đất, thuê đất đối với diện tích sàn kinh doanh dịch vụ, nhà ở thương mại tăng thêm.

c) Bố trí ngân sách đầu tư công của Thành phố để thực hiện biện pháp hỗ trợ cho các dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị phù hợp với từng dự án, đảm bảo cân đối ngân sách từng thời kỳ.

d) Hỗ trợ chi phí thực hiện công tác kiểm định, đánh giá chất lượng công trình cần được cải tạo, chỉnh trang để đánh giá mọi yếu tố hoặc nguồn gốc gây hư hại, làm cơ sở để quyết định khả năng lựa chọn phương án cải tạo, chỉnh trang nhằm gìn giữ, phát huy được giá trị của các công trình. Mức hỗ trợ cụ thể do UBND Thành phố quy định.

4. Các dự án quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết này được hưởng các chính sách sau đây:

a) Hỗ trợ về thủ tục để tiếp cận, cung cấp thông tin, hồ sơ, nguồn gốc đối với các công trình kiến trúc có giá trị được lưu trữ tại các cơ quan quản lý nhà nước tại Việt Nam; tiếp cận thông tin, hồ sơ tại nước ngoài thông qua các tổ chức theo hiệp định của Nhà nước Việt Nam với các tổ chức nước ngoài;

b) Hỗ trợ thủ tục để chủ đầu tư thực hiện nghiên cứu đánh giá trực tiếp trên công trình kiến trúc có giá trị cần được cải tạo để đánh giá mọi yếu tố hoặc nguồn gốc gây hư hại, từ đó làm cơ sở để quyết định khả năng lựa chọn phương án sửa chữa, bảo tồn hay cải tạo nhằm gìn giữ được giá trị di sản của các công trình;

c) Hỗ trợ chi phí về thiết kế, kiến trúc đảm bảo việc thực hiện cải tạo, chỉnh trang các công trình kiến trúc có giá trị theo đúng quy định của Luật Thủ đô, pháp luật về di sản văn hóa và các quy định của pháp luật có liên quan;

d) Hỗ trợ 100% chi phí thực hiện công tác kiểm định, đánh giá chất lượng công trình cần được cải tạo, chỉnh trang để đánh giá mọi yếu tố hoặc nguồn gốc gây hư hại, làm cơ sở để quyết định khả năng lựa chọn phương án cải tạo, chỉnh trang nhằm gìn giữ, phát huy được giá trị của các công trình.

## **Điều 12. Chính sách, biện pháp hỗ trợ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thực hiện các dự án cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị**

1. Nguồn kinh phí hỗ trợ di dời, bồi thường, tái định cư, tạm cư khi thực hiện dự án cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị:

a) Nguồn kinh phí do nhà đầu tư chịu trách nhiệm bảo đảm toàn diện để thực hiện dự án;

b) Nguồn kinh phí hợp pháp khác (các quỹ hỗ trợ, kinh phí tự nguyện đóng góp của nhân dân).

2. Hỗ trợ tái định cư và tạm cư:

a) Chủ sở hữu nhà, người sử dụng đất bị thu hồi thuộc phạm vi dự án cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị nhằm mục đích phục vụ hạ tầng xã hội, công trình công cộng (công trình không có mục đích để ở) được xem xét ưu tiên bồi thường giao đất ở tái định cư trên cơ sở cân đối quỹ đất tái định cư của Thành phố;

b) Chủ sở hữu nhà, người sử dụng đất bị thu hồi thuộc phạm vi dự án cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị nhằm mục đích tái thiết một khu vực đô thị cụ thể (công trình có mục đích để ở) được xem xét bố trí tái định cư tại chỗ, trừ trường hợp nhà đầu tư có phương án khác để cân đối đảm bảo tính hiệu quả tài chính của dự án và được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận;

c) Chủ sở hữu nhà, người sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện các dự án cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị đủ điều kiện được bố trí tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng mà không có nhu cầu mua nhà tái định cư hoặc trường hợp không đủ điều kiện được bố trí tái định cư nhưng thuộc diện có khó khăn về nhà ở, thì được lựa chọn mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội tại các dự án xây dựng nhà ở xã hội trên địa bàn Thành phố, không phải bốc thăm và không phải đáp ứng các điều kiện về nhà ở, điều kiện về đối tượng, điều kiện về thu nhập theo quy định của pháp luật hiện hành.

d) Chủ sở hữu nhà, người sử dụng đất thuộc dự án cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị trong thời gian chờ bố trí tái định cư được Ủy ban nhân dân Thành phố

xem xét bố trí tạm cư vào quỹ nhà tái định cư, tạm cư trên cơ sở cân đối các quỹ nhà của Thành phố.

Trường hợp cân đối được các quỹ nhà của Thành phố, chủ đầu tư được Thành phố hỗ trợ 100% tiền thuê nhà trong thời gian thực hiện dự án theo quyết định chủ trương đầu tư được phê duyệt, nhưng không quá ba (03) năm; từ năm thứ tư đến hết năm thứ năm được hỗ trợ 50% tiền thuê nhà, chủ đầu tư thanh toán 50% tiền thuê nhà; quá thời hạn nêu trên, chủ đầu tư phải thanh toán toàn bộ tiền thuê nhà. Thời gian hỗ trợ nhà tạm cư không quá thời gian thực hiện dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đơn giá thuê nhà được xác định theo nguyên tắc tính giá thuê nhà của Thành phố để phục vụ cho công tác giải phóng mặt bằng. Chủ đầu tư có trách nhiệm chi trả chi phí quản lý vận hành nhà chung cư tái định cư, tạm cư trong thời gian sử dụng quỹ nhà tái định cư, tạm cư của Thành phố.

Trường hợp chủ sở hữu nhà, người sử dụng đất tự lo chỗ ở tạm thời thì được thanh toán bằng tiền do chủ đầu tư chi trả; mức chi không thấp hơn theo quy định về chính sách giải phóng mặt bằng trên địa bàn Thành phố.

### 3. Hỗ trợ thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng:

Dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị được thực hiện cơ chế thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng với mức hỗ trợ tối đa như các dự án đầu tư quan trọng theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội.

### 4. Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh:

Chủ sở hữu nhà, người sử dụng đất bị thu hồi trong độ tuổi lao động đang sinh sống trong phạm vi dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị mà phải di chuyển chỗ ở, nơi hoạt động sản xuất, kinh doanh trong trường hợp được xác định chỉ có nguồn thu nhập duy nhất từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ tại khu vực thực hiện dự án cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị thì ngoài các kinh phí về bồi thường theo quy định còn được hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm cho mỗi người lao động với mức tiền bằng tiền sáu (06) tháng lương tối thiểu vùng trên địa bàn thực hiện dự án do Chính phủ quy định, chi trả một (01) lần khi thực hiện chi trả tiền bồi thường hỗ trợ;

c) Mỗi hộ gia đình được vay vốn tín dụng ưu đãi để phát triển sản xuất, kinh doanh bằng ba mươi sáu (36) tháng lương tối thiểu vùng trên địa bàn do Chính phủ quy định tại thời điểm triển khai thực hiện.

### 5. Hỗ trợ di chuyển mồ mã:

Ngoài các chính sách về bồi thường di chuyển mồ mã theo quy định, chủ sở hữu nhà, người sử dụng đất bị thu hồi được hỗ trợ thêm 10.000.000 đồng/ngôi mộ khi di dời để thực hiện dự án cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị.

6. Ủy ban nhân dân Thành phố quy định chi tiết các điểm b, điểm c khoản 2 Điều này.

### **Chương III**

## **MỘT SỐ CHÍNH SÁCH, BIỆN PHÁP, HỖ TRỢ ĐẶC THÙ KHI THỰC HIỆN DỰ ÁN CẢI TẠO, XÂY DỰNG LẠI NHÀ CHUNG CƯ**

### **Mục 1. CHÍNH SÁCH, TIÊU CHÍ, ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN DỰ ÁN CẢI TẠO, XÂY DỰNG LẠI NHÀ CHUNG CƯ**

#### **Điều 13. Dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư**

1. Phạm vi dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư bao gồm các nhà chung cư và các công trình xung quanh được xác định ngay khi lập, trình duyệt quy hoạch chi tiết được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Nhà chung cư trên địa bàn Thành phố thuộc diện phá dỡ khi đáp ứng một trong các yêu cầu sau đây:

a) Nhà chung cư thuộc trường hợp phá dỡ theo quy định của pháp luật về nhà ở;

b) Nhà chung cư không đảm bảo quy chuẩn, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy hiện hành mà không có giải pháp khắc phục triệt để.

3. Dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư thực hiện theo các hình thức sau:

a) Dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư thuộc trường hợp phá dỡ theo quy định của pháp luật về nhà ở;

b) Dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư không thuộc trường hợp phá dỡ theo quy định tại điểm a khoản này nhưng gắn với dự án cải tạo, chỉnh trang, tái thiết một ô phố đô thị hoặc nhiều ô phố đô thị;

c) Dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư cũ không đảm bảo hiệu quả tài chính của dự án được xem xét thực hiện theo hình thức dự án BT thanh toán bằng quỹ đất do nhà đầu tư đề xuất.

Dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư cũ được xem là không đảm bảo hiệu quả tài chính của dự án khi đánh giá đề xuất dự án của nhà đầu tư gắn với hệ số bồi thường k tối đa và lợi nhuận định mức thấp hơn 15% sơ bộ tổng mức đầu tư dự án (xác định sơ bộ khi nhà đầu tư đề xuất dự án và được đơn vị tư vấn độc lập thẩm tra).

4. Việc thực hiện dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư phải bảo đảm:

a) Phù hợp định hướng Quy hoạch tổng thể Thủ đô hoặc quy hoạch phân khu đô thị, quy hoạch đô thị và nông thôn được phê duyệt;

b) Bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, người dân và nhà đầu tư;

c) Kết hợp đồng bộ cải tạo hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, không gian công cộng, cảnh quan đô thị;

d) Bảo đảm chỗ ở, điều kiện sinh hoạt, quyền và lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu nhà chung cư;

đ) Ưu tiên tái định cư tại chỗ và nâng cao chất lượng nhà ở, môi trường sống của người dân;

e) Bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và đảm bảo các quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật Thủ đô 2026.

**Điều 14. Tiêu chí xác định khu vực thực hiện dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư cũ**

1. Khu vực thực hiện dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư bao gồm:

a) Nhà chung cư thuộc diện phải phá dỡ theo quy định của pháp luật về nhà ở;

b) Nhà chung cư thuộc phạm vi dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư gắn với cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị được Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua bằng Nghị quyết;

c) Nhà chung cư thuộc khu vực cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị được xác định theo Quy hoạch tổng thể Thủ đô hoặc quy hoạch phân khu đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm tổ chức kiểm định để xác định khu vực theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này; đồng thời, tổ chức công bố công khai khu vực cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này và danh mục các dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư gắn với cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị sau khi được Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua bằng Nghị quyết theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

**Điều 15. Trình tự, điều kiện thực hiện dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư**

1. Công bố công khai khu vực thực hiện dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư quy định tại Điều 14 Nghị quyết này.

2. Chủ sở hữu nhà, người sử dụng đất tự đề xuất dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết này.

3. Trường hợp chủ sở hữu nhà, người sử dụng đất không tự đề xuất dự án thì Nhà đầu tư đề xuất dự án gửi cơ quan được giao chủ trì tổ chức thẩm định, trình cấp có thẩm quyền chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án; đề xuất dự án phải có sơ bộ phương án bồi thường, tái định cư;

Cơ quan chủ trì tổ chức thẩm định có trách nhiệm tham mưu, trình Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập Tổ công tác đánh giá, lựa chọn nhà đầu tư.

4. Nhà đầu tư được lựa chọn có trách nhiệm: Tự bỏ kinh phí tổ chức lập, trình duyệt quy hoạch chi tiết (trong trường hợp khu vực dự án đề xuất chưa có quy hoạch chi tiết được duyệt) và tổ chức lập sơ bộ phương án bồi thường, tái định cư theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị quyết này; lập hồ sơ đề xuất chấp thuận chủ trương đầu tư dự án theo quy định tại Nghị quyết này, gửi cơ quan được giao chủ trì tổ chức thẩm định.

5. Cơ quan được giao chủ trì tổ chức thẩm định có trách nhiệm tổ chức thẩm định, tham mưu trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án. Quyết định chủ trương đầu tư dự án của cấp có thẩm quyền là văn bản giao chủ đầu tư thực hiện đầu tư xây dựng tất cả các công trình nằm trong phạm vi dự án mà không phải thông qua đấu thầu, đấu giá.

6. Ký kết và thực hiện hợp đồng dự án (nếu có). Chủ đầu tư thực hiện dự án theo quy định tại các Điều 9, Điều 10 Nghị quyết này và theo quy định của pháp luật hiện hành như đối với các dự án đầu tư có sử dụng đất.

7. Chủ đầu tư thực hiện dự án khi đáp ứng các điều kiện theo quy định tại các Điều 7, Điều 13 Nghị quyết này. Ủy ban nhân dân Thành phố quy định chi tiết Điều này.

## **Mục 2. LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ, CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN**

### **Điều 16. Lựa chọn nhà đầu tư, chủ đầu tư dự án**

1. Dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị quyết này được áp dụng thực hiện lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt (giao chủ đầu tư không thông qua đấu thầu) theo quy định của Thành phố.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố quy định nội dung, hồ sơ, điều kiện, tiêu chí thực hiện lựa chọn nhà đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này.

### **Điều 17. Quyền và trách nhiệm của nhà đầu tư**

1. Được hưởng các cơ chế chính sách theo quy định của Nghị quyết này đối với dự án quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị quyết này và pháp luật liên quan.

2. Được nghiên cứu lập quy hoạch chi tiết, đề xuất dự án và thực hiện các thủ tục đầu tư theo cơ chế “làn xanh”, “luồng xanh” của Thành phố.

3. Có trách nhiệm:

a) Bảo đảm nguồn lực thực hiện dự án;

b) Thực hiện đầy đủ công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, tạm cư;

c) Bảo đảm tiến độ, chất lượng công trình;

d) Công khai thông tin dự án;

đ) Không được chuyển nhượng dự án trái quy định;

e) Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật nếu chậm tiến độ hoặc không thực hiện đúng cam kết.

## **Mục 3. BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

### **Điều 18. Nguyên tắc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư**

1. Chủ sở hữu nhà chung cư được bố trí tái định cư tại chỗ, trừ trường hợp có nhu cầu nhận tiền hoặc bố trí tái định cư tại địa điểm khác.

2. Việc bồi thường phải bảo đảm công khai, minh bạch, đúng quy định pháp luật.

3. Diện tích nhà ở được tái định cư bằng diện tích sử dụng hợp pháp của căn hộ cũ nhân với hệ số bồi thường K.

Hệ số bồi thường K và phương án bồi thường, tái định cư được thực hiện như đối với dự án cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị theo quy định tại khoản 4 Điều 4 và khoản 3 Điều 7 Nghị quyết này.

### **Điều 19. Chính sách tái định cư**

1. Chủ sở hữu căn hộ được lựa chọn một trong các hình thức:

a) Tái định cư tại chỗ;

- b) Nhận nhà ở tái định cư tại địa điểm khác;
- c) Nhận tiền bồi thường;
- d) Kết hợp nhận nhà và tiền.

2. Căn hộ tái định cư được bố trí có diện tích, chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật cao hơn hoặc tương đương căn hộ cũ.

3. Trường hợp diện tích tái định cư lớn hơn diện tích được bồi thường thì phần chênh lệch được người tái định cư thanh toán cho chủ đầu tư theo giá kinh doanh căn hộ tại dự án, trừ trường hợp chủ đầu tư có thỏa thuận khác với người được tái định cư.

4. Thành phố ưu tiên bố trí quỹ nhà tái định cư tại chỗ đối với:

- a) Người có công;
- b) Người khuyết tật hoặc thân nhân sống cùng người khuyết tật;
- c) Hộ nghèo, cận nghèo;
- d) Hộ gia đình chính sách;

đ) Hộ gia đình có nhiều thế hệ cùng sinh sống và có diện tích bình quân đầu người thấp hơn so với quy định của Chính phủ theo quy định hiện hành.

#### **Điều 20. Chính sách tạm cư**

1. Trong thời gian thực hiện dự án, chủ sở hữu nhà chung cư, người sử dụng đất được chủ đầu tư bố trí nhà tạm cư hoặc hỗ trợ tiền thuê nhà.

2. Thành phố hỗ trợ tiền thuê nhà trong thời gian thực hiện dự án theo quyết định chủ trương đầu tư nhưng không quá ba (03) năm.

3. Quá thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này thì chủ đầu tư chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ chi phí thuê nhà phát sinh.

4. Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán chi phí quản lý vận hành đối với quỹ nhà tạm cư, tái định cư trong thời gian người dân sử dụng.

#### **Điều 21. Hỗ trợ di dời, ổn định đời sống và sản xuất kinh doanh**

1. Chủ sở hữu nhà, người sử dụng diện tích kinh doanh hợp pháp được hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất kinh doanh.

2. Người lao động bị ảnh hưởng được hỗ trợ đào tạo nghề, chuyển đổi nghề nghiệp và giới thiệu việc làm.

3. Hộ gia đình, cá nhân được vay vốn ưu đãi để ổn định cuộc sống và phát triển sản xuất kinh doanh.

4. Mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân Thành phố quy định.

#### **Điều 22. Chính sách về quy hoạch, kiến trúc, đất đai và nghĩa vụ tài chính**

1. Dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư được ưu tiên điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc trên cơ sở:

- a) Bảo đảm khả năng dung nạp dân số;
- b) Bảo đảm hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội;
- c) Tăng hiệu quả sử dụng đất;
- d) Tạo nguồn lực thực hiện dự án.

2. Thành phố được xem xét:

- a) Tăng tầng cao công trình;
- b) Điều chỉnh hệ số sử dụng đất;
- c) Điều chỉnh chức năng sử dụng đất phù hợp quy hoạch;
- d) Bổ sung diện tích thương mại, dịch vụ, văn phòng.

3. Đối với khu vực nội đô lịch sử, nội đô hạn chế phát triển phải bảo đảm phù hợp yêu cầu quản lý dân số, bảo tồn cảnh quan và định hướng quy hoạch.

4. Chủ đầu tư được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với toàn bộ diện tích đất trong phạm vi dự án.

5. Được xem xét giảm hoặc miễn nghĩa vụ tài chính đối với phần diện tích công trình công cộng, hạ tầng xã hội bàn giao cho Nhà nước.

6. Được khai thác phần diện tích thương mại, dịch vụ, nhà ở tăng thêm theo quy hoạch được duyệt sau khi thực hiện đầy đủ chính sách tái định cư tại dự án để hoàn vốn dự án.

7. Thành phố xem xét hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào dự án.

## **Chương IV**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 23. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

b) Ban hành các văn bản được giao theo thẩm quyền; tổ chức triển khai thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này.

c) Bảo đảm cân đối nguồn lực để triển khai thực hiện Nghị quyết hiệu quả, khả thi.

d) Hằng năm, tổ chức đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết với Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp thường lệ cuối năm. Nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời tổng hợp báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc ban hành sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp với điều kiện của Thành phố.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố, Hội đồng nhân dân cấp xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

#### **Điều 24. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày ..... tháng ..... năm 2026.

*Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVI, kỳ họp thứ ..... thông qua ngày ..... tháng ..... năm 2026./.*

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH TP Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND, UB MTTQVN TP;
- Các Ban Đảng của Thành ủy;
- Các Ban của HĐND TP;
- Đại biểu HĐND TP;
- Các VP: Thành ủy, Đoàn ĐBQH & HĐND TP, UBND TP;
- Các sở, ban, ngành TP;
- TT HĐND, UBND các phường, xã;
- Trang TTĐT của Đoàn ĐBQH & HĐND TP;
- Trung tâm TT, DL và Công nghệ số TP;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH****Phùng Thị Hồng Hà**